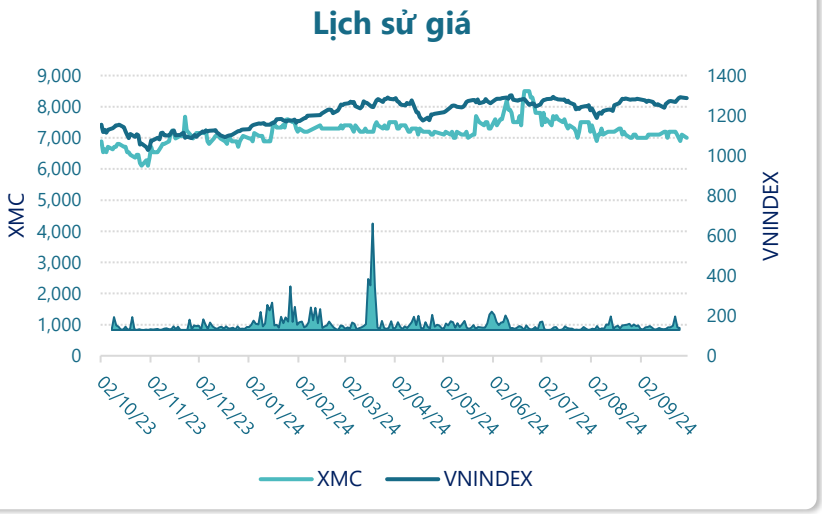
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,105
SL cổ phiếu LH	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,320
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	500
P/E	10.1
EPS	695

DT thuần

Q3/24

291

tỷ VNĐ

QoQ: ▼215| -42.4%

YoY: ▼227| -43.7%

LN sau thuế

Q3/24

-0.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.52| -104%

YoY: ▲ 12.0| 97.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.9%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

9T 2024

1,271

tỷ VNĐ

YoY: ▼61.0| -4.6%

LN sau thuế

9T 2024

2.38

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.63| 36.1%

ROE

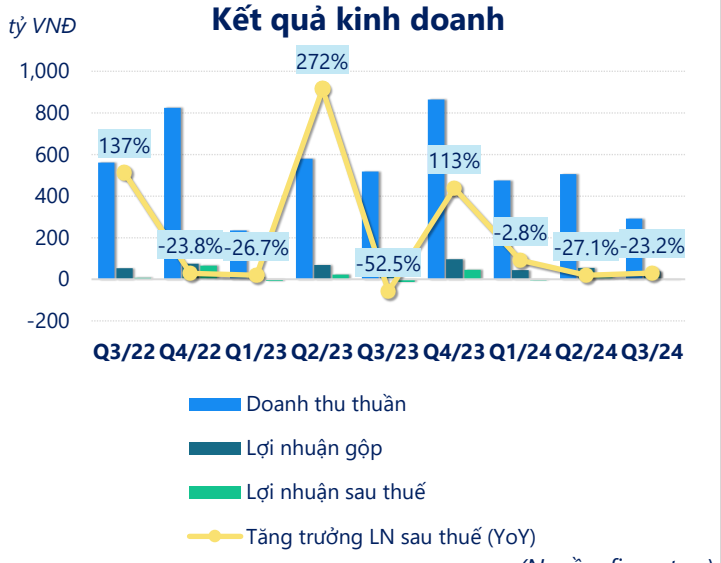
Q3/24

5.6%

+/- YoY: ▼ 2.2%

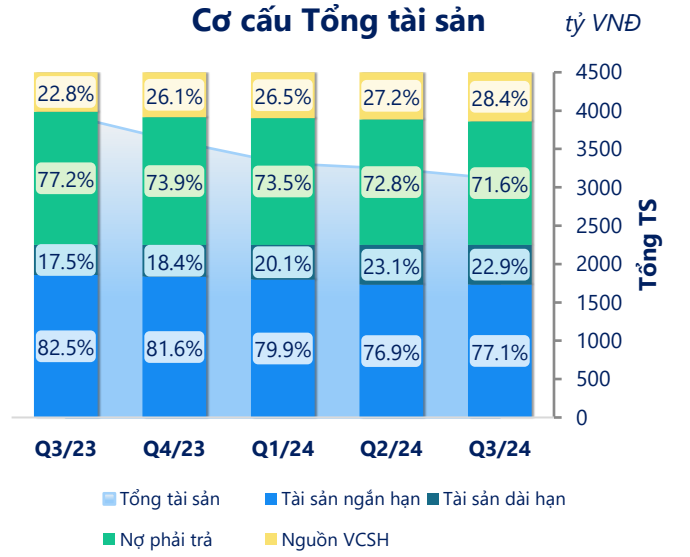
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



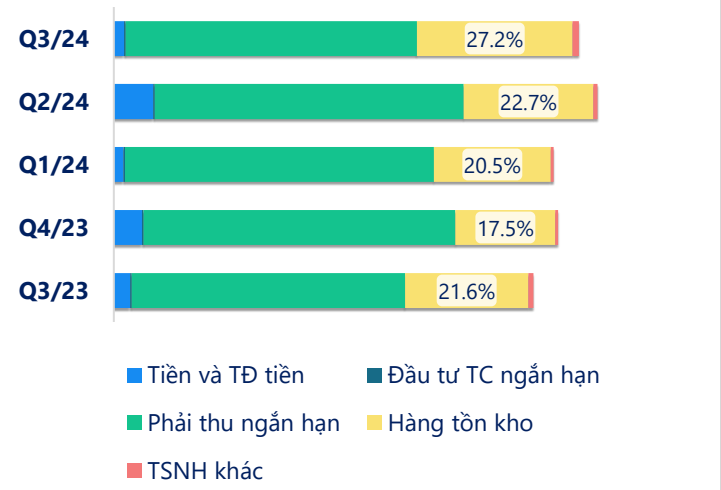
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



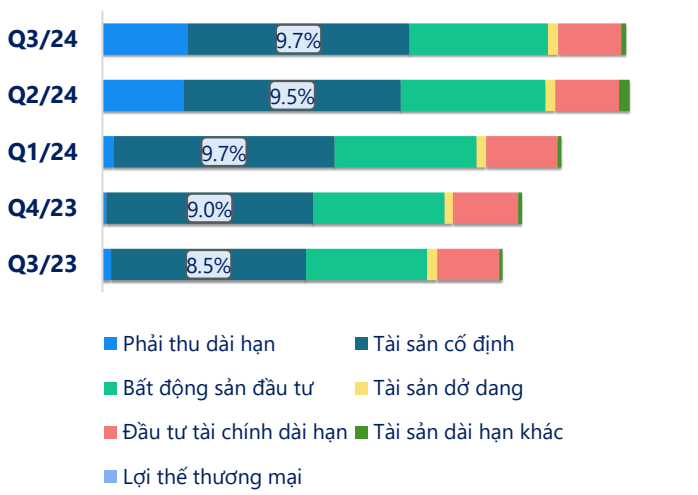
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



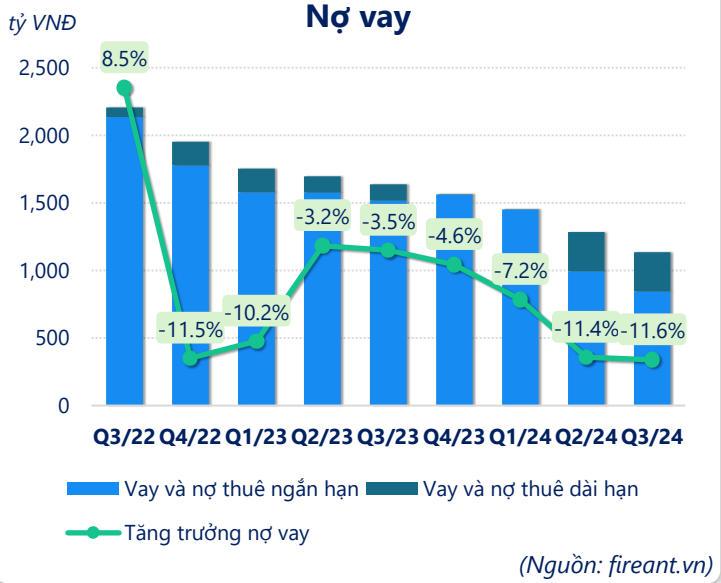
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



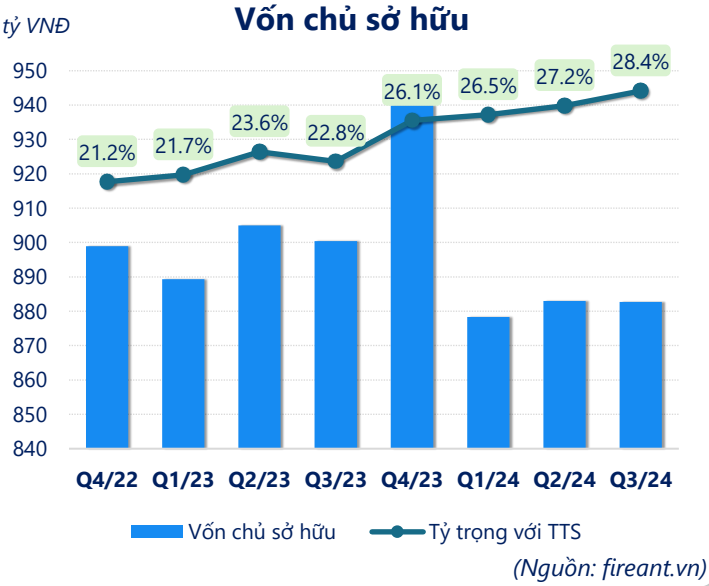
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



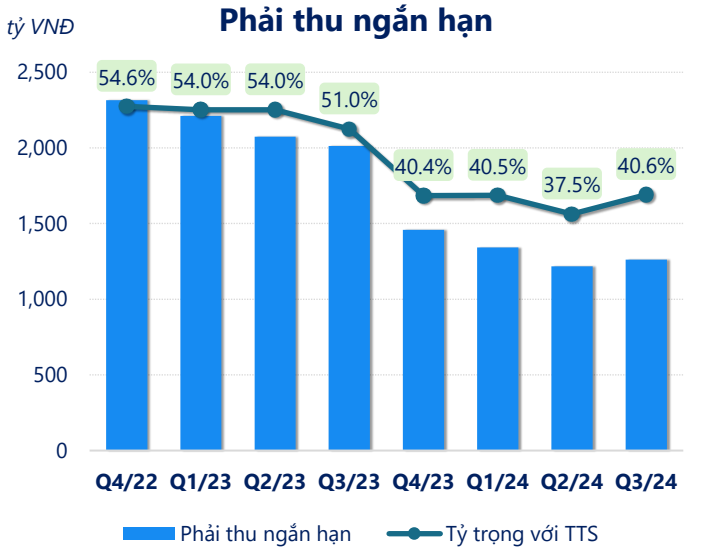
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



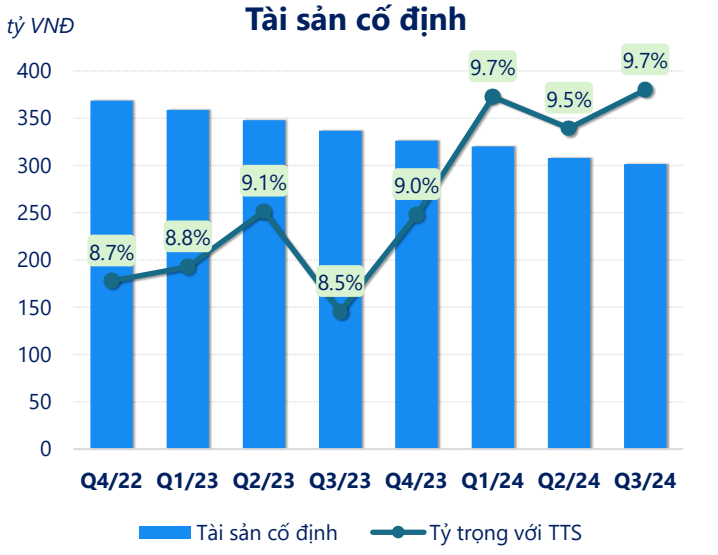
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



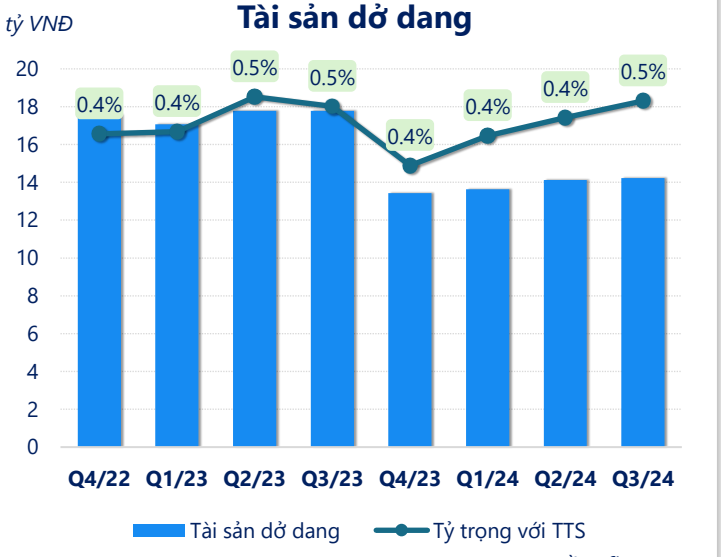
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



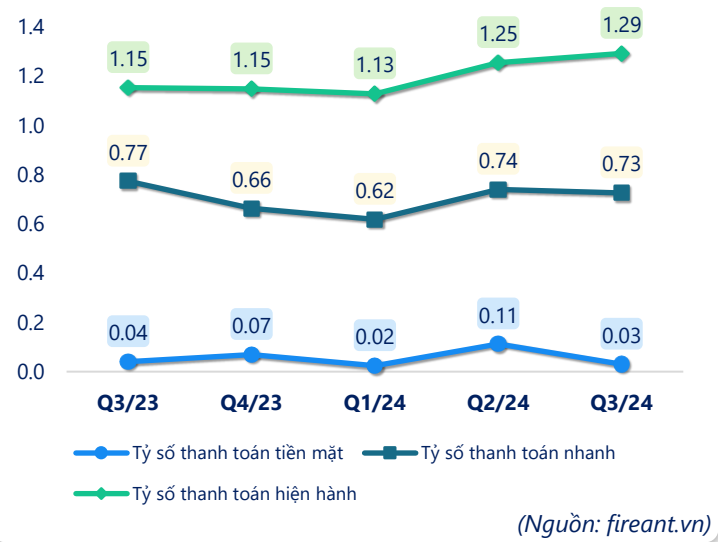
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



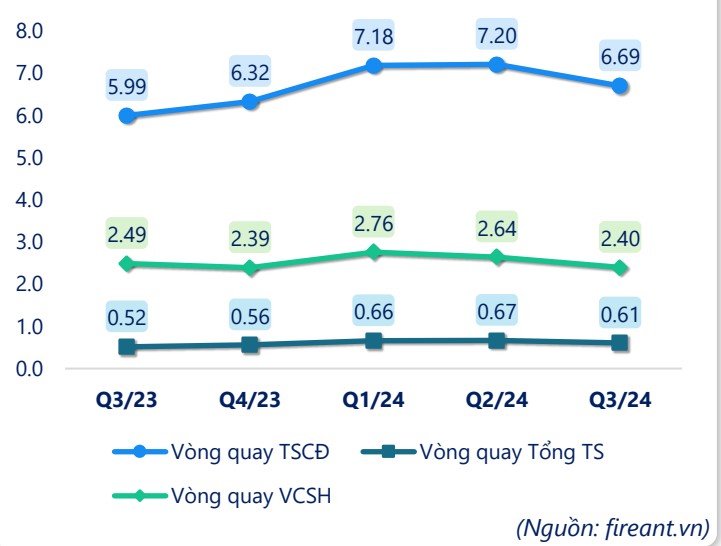
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**3,947**	**3,607**	**3,313**	**3,243**	**3,109**
Tài sản ngắn hạn	**3,257**	**2,945**	**2,648**	**2,495**	**2,396**
Tiền và tương đương tiền	114	178	56.4	223	55.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.1	1.04	10.0	5.04	10.0
Phải thu ngắn hạn	2,013	1,458	1,341	1,216	1,262
Hàng tồn kho	1,073	1,245	1,197	1,023	1,050
Tài sản ngắn hạn khác	45.4	62.7	43.8	27.2	18.5
Tài sản dài hạn	**691**	**662**	**665**	**748**	**712**
Phải thu dài hạn	15.1	6.14	16.1	115	116
Tài sản cố định	337	326	320	308	302
Bất động sản đầu tư	209	208	206	205	188
Tài sản dở dang	17.8	13.4	13.6	14.1	14.2
Đầu tư tài chính dài hạn	107	103	103	90.5	85.5
Tài sản dài hạn khác	5.57	5.84	5.53	14.8	6.72
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,047**	**2,667**	**2,435**	**2,360**	**2,226**
Nợ ngắn hạn	**2,825**	**2,566**	**2,349**	**1,989**	**1,855**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,517	1,562	1,450	993	844
Phải trả người bán ngắn hạn	713	536	497	533	495
Nợ dài hạn	222	101	86.5	371	371
Vay và nợ thuê dài hạn	121	1.14	0.93	292	292
Nguồn vốn chủ sở hữu	**900**	**940**	**878**	**883**	**883**
Vốn chủ sở hữu	**900**	**940**	**878**	**883**	**883**
Vốn điều lệ	674	674	714	714	714
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)